

Số: /2024/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phạm vi các vụ việc giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp; áp dụng các quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp; thời hạn giám định tư pháp; hồ sơ, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức, viên chức thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 3. Phạm vi các việc giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông là việc giám định về nội dung chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông và Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, CẤP, THU HỒI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP; CÔNG NHẬN, ĐĂNG TẢI DANH SÁCH, HỦY BỎ CÔNG NHẬN NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 4. Tiêu chuẩn bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Tiêu chuẩn bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp:

a) Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp;

b) Tiêu chuẩn “Có trình độ đại học trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp là có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của pháp luật hoặc do cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo và được công nhận để sử dụng tại Việt Nam phù hợp với chuyên môn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp thuộc các lĩnh vực báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, luật, kinh tế hoặc lĩnh vực đào tạo khác.

c) Tiêu chuẩn “đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp là có thời gian hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên (trực tiếp làm công tác chuyên môn về chuyên ngành được đào tạo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) tính từ ngày được tuyển dụng hoặc tiếp nhận làm việc, phù hợp với lĩnh vực giám định tư pháp mà người đó được bổ nhiệm.

2. Công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc

a) Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

b) Trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

Điều 5. Điều kiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Điều kiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, bao gồm:

1. Có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Giám định tư pháp.
2. Có trang thiết bị bảo quản, lưu giữ đối tượng, hồ sơ, tài liệu giám định và trang thiết bị khác đáp ứng yêu cầu thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại Điều 7 Thông tư này, gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

b) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Pháp chế xem xét hồ sơ, lựa chọn và trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

2. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương:

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này, tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại Điều 7 Thông tư này, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp

1. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp

a. Công văn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của thủ trưởng đơn vị hoặc đơn của người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

b. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

c. Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp.

d. Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm hoặc người có đơn đề nghị bổ nhiệm làm việc.

2. Trình tự, thủ tục cấp thẻ giám định viên tư pháp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Điều 8. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp

1. Các trường hợp miễn nhiệm, hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ.

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Pháp chế kiểm tra hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tư pháp, lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp ở địa phương.

Điều 9. Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

1. Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp:

a) Đối với giám định viên do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông bổ nhiệm:

- Định kỳ hàng năm, Vụ Tổ chức cán bộ lập và gửi danh sách giám định viên tư pháp đến Trung tâm Thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

- Trung tâm Thông tin có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được danh sách.

b) Đối với giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm:

Định kỳ hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm lập, gửi danh sách giám định viên tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

a) Căn cứ vào nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 18 Luật Giám định tư pháp, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ Pháp chế lập hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc; Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Pháp chế lựa chọn đơn vị chuyên môn có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Giám định tư pháp, Điều 5 Thông tư này đề nghị Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Vụ Tổ chức cán bộ gửi danh sách kèm theo thông tin công bố về người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đến Trung tâm Thông tin để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 và khoản 6 Điều 1 Nghị định 157/2020/NĐ-CP của Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

b) Căn cứ vào nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng ở địa phương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 18 Luật Giám định tư pháp, đơn vị chuyên môn có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Giám định tư pháp, Điều 5 Thông tư này, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

Hàng năm, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ/Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm rà soát danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc do mình quản lý. Trường hợp phát hiện người giám định tư pháp theo vụ việc không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Luật Giám định tư pháp thì có văn bản gửi Vụ Pháp chế/Sở Tư pháp đề nghị hủy bỏ công nhận;

Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ/Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tư pháp tổng hợp danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc không còn đủ điều kiện, thống kê tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Giám định tư pháp trình Lãnh đạo Bộ/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hủy bỏ công nhận.

Chương III

THỦ TỤC CỬ NGƯỜI THAM GIA GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH; ÁP DỤNG QUY CHUẨN CHUYÊN MÔN, CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH VÀ CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 10. Thủ tục cử người tham gia giám định tư pháp

1. Tại Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Trường hợp Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được trưng cầu giám định tư pháp có nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc phù hợp nội dung trưng cầu giám định, đề xuất hình thức giám định là giám định cá nhân hoặc giám định tập thể theo quy định tại Điều 28 Luật Giám định tư pháp, trình Lãnh đạo Bộ quyết định cử người thực hiện giám định và hình thức giám định các nội dung trưng cầu.

Trường hợp trưng cầu giám định tư pháp có nội dung không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, Vụ trưởng Vụ Pháp chế trình Lãnh đạo Bộ về việc từ chối tiếp nhận giám định tư pháp và trả lời cơ quan trưng cầu giám định.

b) Trường hợp các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ nhận được trưng cầu, yêu cầu giám định thuộc thẩm quyền giải quyết, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật và báo cáo Lãnh đạo Bộ về kết quả việc thực hiện giám định.

2. Tại Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông nhận được trung cầu giám định tư pháp có nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc phù hợp nội dung trung cầu giám định, quyết định hình thức giám định là giám định cá nhân hoặc giám định tập thể theo quy định tại Điều 28 Luật Giám định tư pháp; có văn bản gửi cơ quan trung cầu giám định để thông báo danh sách người được phân công thực hiện giám định và hình thức giám định đối với các nội dung trung cầu;

b) Trường hợp nội dung giám định không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm từ chối giám định tư pháp và trả lời bằng văn bản cho cơ quan trung cầu giám định.

3. Tổ chức, người được phân công giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận nội dung trung cầu giám định, tổ chức thực hiện giám định, kết luận về các nội dung giám định và trả lời cơ quan trung cầu giám định tư pháp theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhận thấy không đủ khả năng giám định các nội dung được giao, tổ chức, người được phân công giám định tư pháp phải từ chối bằng văn bản. Văn bản từ chối được gửi cho người giao nhiệm vụ và cơ quan trung cầu giám định.

Điều 11. Thành lập Hội đồng giám định

1. Điều kiện thành lập hội đồng giám định:

a) Hội đồng giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được thành lập trong trường hợp quy định tại Điều 30 Luật Giám định tư pháp;

b) Hội đồng giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định thành lập.

2. Thành lập hội đồng giám định:

a) Vụ trưởng Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc phù hợp với nội dung trung cầu giám định, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định thành lập hội đồng;

b) Thành phần, số lượng thành viên và cơ chế hoạt động của hội đồng giám định thực hiện theo Điều 30 Luật Giám định tư pháp.

Điều 12. Áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp; chi phí giám định và chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp

1. Quy chuẩn chuyên môn được áp dụng cho hoạt động giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông là các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo quy định tại Điều 3 Thông tư này và văn bản khác có liên quan của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành có liên quan đến nội dung cần giám định.

2. Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được thu, chi theo quy định của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng; các văn bản quy định chi tiết thi hành và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp và Quyết định 01/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

Chương IV

TIẾP NHẬN TRƯNG CẦU, QUY TRÌNH, THỜI HẠN THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Điều 13. Tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định

1. Sở Thông tin và Truyền thông, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp hoặc cá nhân, tổ chức chuyên môn khác ở địa phương có trách nhiệm xem xét, tiếp nhận trưng cầu và thực hiện việc giám định ở địa phương mình do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở cấp huyện, cấp tỉnh và cấp trung ương trưng cầu.

Sở Thông tin và Truyền thông giao đơn vị thuộc Sở làm đầu mối xem xét, tham mưu tiếp nhận ban đầu việc trưng cầu giám định ở cơ quan mình; có văn bản tiếp nhận, cử người thực hiện giám định hoặc từ chối thực hiện giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Khi được trung cầu giám định, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp hoặc cá nhân, tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực thông tin và truyền thông ở địa phương có trách nhiệm xem xét, tham mưu tiếp nhận việc trung cầu giám định ở tổ chức, đơn vị mình hoặc từ chối thực hiện giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Trường hợp được yêu cầu giám định theo quy định của Luật Giám định tư pháp, cá nhân, tổ chức chuyên môn ở địa phương có trách nhiệm xem xét, tham mưu tiếp nhận việc yêu cầu giám định ở tổ chức, đơn vị mình hoặc từ chối thực hiện giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giám định của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, đơn vị chuyên môn, người giám định tư pháp thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện việc giám định do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở cấp trung ương trung cầu.

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông giao Vụ Pháp chế làm đơn vị đầu mối xem xét, tham mưu tiếp nhận ban đầu việc trung cầu giám định ở cơ quan mình. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận được quyết định trung cầu của người có thẩm quyền, Vụ Pháp chế có trách nhiệm đề xuất Lãnh đạo Bộ phân công nhiệm vụ cho đơn vị chuyên môn phù hợp với nội dung yêu cầu giám định nghiên cứu, tham mưu cụ thể việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định; trường hợp nội dung trung cầu giám định có liên quan đến nhiều đơn vị chuyên môn thì đề xuất phải xác định rõ đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp trong việc tham mưu tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định hoặc từ chối trung cầu giám định.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phân công của Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ phương án cụ thể về việc tiếp nhận trung cầu hoặc từ chối thực hiện giám định. Trường hợp tiếp nhận trung cầu giám định thì phải kèm dự thảo văn bản cử người thực hiện giám định.

Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định việc tiếp nhận trung cầu giám định hoặc từ chối thực hiện giám định trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu trình.

Trường hợp được trực tiếp trung cầu giám định, Thủ trưởng tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc hoặc đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm giao đơn vị hoặc công chức, viên chức có chuyên môn phù hợp xem xét, tham mưu tiếp nhận trung cầu hoặc từ chối thực hiện giám định ở cơ quan, đơn vị mình trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. Trường hợp được trung cầu đích danh thì cá nhân công chức, viên chức trong ngành thông tin và truyền thông có trách nhiệm xem xét, tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định tư pháp và báo cáo Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chủ quản biết, tạo điều kiện cho việc thực hiện giám định; hoặc từ chối thực hiện giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Điều 14. Từ chối tiếp nhận, thực hiện giám định

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 13 của Thông tư này có quyền từ chối tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 24 và Điều 34 Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) hoặc nội dung trung cầu, yêu cầu giám định không thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông quy định tại Điều 3 hoặc không phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Việc từ chối giám định phải bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận quyết định trung cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định.

Điều 15. Quy trình giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

1. Việc giám định theo trung cầu, yêu cầu trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được thực hiện theo quy trình như sau:

- a) Giao nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu hoặc yêu cầu giám định;
- b) Chuẩn bị giám định;
- c) Thực hiện giám định;
- d) Kết luận giám định;
- đ) Trả kết luận giám định;
- e) Lập, lưu và bảo quản hồ sơ giám định;

2. Ban hành kèm theo Thông tư này sơ đồ quy trình giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Phụ lục I).

Điều 16. Giao nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phối hợp với người trưng cầu, yêu cầu giám định để giao, nhận hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật liên quan (nếu có).

2. Việc giao, nhận hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật liên quan (nếu có) được thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính (có ký giao nhận hoặc phiếu gửi) và phải lập thành biên bản theo biểu mẫu quy định tại Điều 23 Thông tư này.

3. Trường hợp hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật liên quan (nếu có) được niêm phong thì trước khi mở phải kiểm tra kỹ niêm phong và lập biên bản mở niêm phong theo biểu mẫu quy định tại Điều 23 Thông tư này. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp có quyền từ chối nhận nếu phát hiện niêm phong bị rách hoặc có dấu hiệu bị thay đổi.

Điều 17. Chuẩn bị giám định tư pháp

1. Trên cơ sở nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định và hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu kèm theo, người thực hiện giám định xác định sơ bộ nội dung chuyên môn, công việc cần thực hiện; yêu cầu người trưng cầu giám định cung cấp bổ sung hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu cần thiết cho việc giám định trong trường hợp chưa được cung cấp đầy đủ.

2. Người thực hiện giám định lập đề cương giám định, trường hợp cần thiết thì gửi lấy ý kiến người trưng cầu, yêu cầu giám định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm gửi văn bản trả lời đối với đề cương giám định.

Đề cương giám định bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Đối tượng hoặc nội dung cần giám định và phạm vi giám định; thời gian dự kiến hoàn thành việc giám định;

b) Xác định phương pháp thực hiện giám định, các quy chuẩn chuyên môn được áp dụng;

c) Xác định nội dung, chi tiết cần xác minh hoặc khảo sát đối tượng giám định phục vụ cho việc giám định (nếu cần thiết);

d) Dự kiến phương tiện, vật tư, trang thiết bị được sử dụng (nếu có);

đ) Dự kiến chi phí cần cho việc thực hiện giám định; tạm ứng và thanh toán chi phí giám định;

e) Các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

3. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định lập hồ sơ đề nghị tạm ứng chi phí giám định và gửi người trung cầu, yêu cầu giám định. Người trung cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm xem xét và thực hiện việc tạm ứng theo đề nghị cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thực hiện giám định tư pháp

1. Việc thực hiện giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được tiến hành như sau:

a) Nghiên cứu, phân tích kỹ hồ sơ trung cầu, đối tượng giám định và các tài liệu, thông tin được người trung cầu, yêu cầu giám định đã giao, cung cấp;

b) Xác định rõ đối tượng, những nội dung chuyên môn cần xem xét, đánh giá;

c) Tiến hành khảo sát hoặc xác minh vấn đề cần thiết có liên quan mà người trung cầu, yêu cầu giám định không thể cung cấp được tài liệu, thông tin về vấn đề đó (nếu có);

d) Tiến hành so sánh, đối chiếu vấn đề hoặc đối tượng cần giám định với quy chuẩn chuyên môn về vấn đề hoặc đối tượng cần giám định;

đ) Đưa ra nhận xét, đánh giá, nêu ý kiến chuyên môn cụ thể, rõ ràng về vấn đề hoặc đối tượng cần giám định theo trung cầu, yêu cầu giám định;

e) Xây dựng, ban hành bản kết luận giám định;

g) Lập hồ sơ giám định.

2. Trong quá trình thực hiện giám định, người giám định tư pháp có thể sử dụng ý kiến hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác đưa ra, phục vụ cho việc giám định.

3. Trong quá trình thực hiện giám định, nếu có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải thông báo ngay bằng văn bản cho người trung cầu, yêu cầu giám định biết và thống nhất phương án giải quyết.

4. Người thực hiện giám định phải lập văn bản ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện giám định theo quy định tại Điều 31 Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và theo biểu mẫu quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Điều 19. Bản kết luận giám định

1. Bản kết luận giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Điều 23 Thông tư này.

2. Trường hợp người giám định tư pháp được trưng cầu, yêu cầu đích danh thì bản kết luận giám định có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người giám định tư pháp.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 13 Thông tư này được trưng cầu giám định thì ngoài chữ ký, họ và tên của người giám định, bản kết luận giám định tư pháp còn phải được người đứng đầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức ký tên, đóng dấu của cơ quan, đơn vị đó. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được trưng cầu, yêu cầu giám định phải chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp của mình.

Trường hợp Bộ Thông tin và Truyền thông được trưng cầu giám định thì Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông giao Thủ trưởng đơn vị chuyên môn về vấn đề cần giám định ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và đóng dấu Bộ Thông tin và Truyền thông vào bản kết luận giám định.

Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông được trưng cầu giám định thì Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông ký hoặc Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền ký và đóng dấu Sở Thông tin và Truyền thông vào bản kết luận giám định.

4. Trường hợp Hội đồng giám định quy định tại Điều 11 Thông tư này thực hiện giám định thì Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông giao Thủ trưởng đơn vị chuyên môn có nội dung cần giám định ký thừa lệnh vào bản kết luận giám định tư pháp.

Trong trường hợp Thủ trưởng đơn vị chuyên môn đã thực hiện giám định với tư cách Tổ trưởng Tổ giám định hoặc Chủ tịch Hội đồng giám định thì Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông giao Chánh Văn phòng Bộ ký thừa lệnh vào bản kết luận giám định tư pháp.

5. Khi hoàn thành bản kết luận giám định, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp, Hội đồng giám định lập hồ sơ đề nghị cơ quan, người trưng cầu giám định thanh toán, chi trả chi phí cần cho việc thực hiện giám định theo quy định của pháp luật về chi phí giám định.

Điều 20. Trả kết luận giám định

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải gửi bản kết luận giám định cho cơ quan trưng cầu, người yêu cầu giám định ngay sau khi ban hành và lưu hồ sơ giám định. Kết luận giám định có thể được trả trực tiếp cho cơ quan trưng cầu giám định hoặc qua đường bưu chính.

2. Trường hợp trả trực tiếp, người thực hiện giám định tiến hành giao trả kết luận giám định như sau:

a) Liên hệ, thông báo cho cơ quan trung cầu, người yêu cầu giám định đến nhận kết luận giám định và nhận lại đối tượng giám định nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Kiểm tra Giấy giới thiệu, giấy tờ tùy thân (giấy chứng minh công an nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân...) của người nhận kết luận giám định và đối tượng giám định;

c) Giao trả 01 bản kết luận giám định;

d) Kiểm tra, niêm phong, bàn giao lại đối tượng giám định (nếu có).

3. Trường hợp trả qua bưu chính, người giám định tiến hành giao trả kết luận giám định như sau:

a) Kiểm tra, đóng gói, niêm phong 01 bản kết luận giám định và đối tượng giám định được giao trả lại nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Gửi kết luận giám định và đối tượng giám định qua đường bưu chính (có ký giao nhận hoặc phiếu gửi).

4. Trường hợp đối tượng giám định là vật chứng của vụ án hoặc trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu bằng văn bản của người trung cầu giám định thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định giao trả lại sau khi hoàn thành việc giám định. Việc giao, nhận lại đối tượng giám định phải lập thành biên bản theo biểu mẫu quy định tại Điều 23 Thông tư này.

Điều 21. Lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp

1. Hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc nhóm Hồ sơ giải quyết các vụ việc trong hoạt động quản lý chuyên môn nghiệp vụ được lập, bảo quản, lưu trữ theo quy định Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), quy định pháp luật về văn thư, lưu trữ và quy định của cơ quan, đơn vị thực hiện giám định.

2. Người thực hiện giám định có trách nhiệm lập hồ sơ giám định bao gồm các tài liệu chính sau đây:

a) Quyết định trung cầu giám định, Quyết định trung cầu giám định bổ sung (nếu có), Quyết định trung cầu giám định lại (nếu có) và đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

b) Văn bản phân công, cử người thực hiện giám định tư pháp hoặc Quyết định thành lập Tổ giám định hoặc Quyết định thành lập Hội đồng giám định;

c) Biên bản giao, nhận hồ sơ trung cầu, đối tượng giám định; biên bản mở niêm phong hồ sơ, tài liệu, đồ vật;

d) Đề cương giám định (nếu có);

đ) Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định;

e) Kết luận giám định trước đó hoặc ý kiến, kết luận chuyên môn do tổ chức, cá nhân khác thực hiện (nếu có); Bản ảnh giám định (nếu có);

g) Hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến việc sử dụng dịch vụ phục vụ việc giám định tư pháp (nếu có);

h) Bản kết luận giám định tư pháp;

i) Biên bản giao nhận kết luận giám định; giao trả đối tượng giám định (nếu có);

k) Tài liệu khác liên quan đến việc giám định (nếu có).

3. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày hoàn thành việc giám định, người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định cho cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ quản lưu giữ và bảo quản theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Hồ sơ giám định của Tổ giám định tư pháp được bàn giao cho đơn vị có thành viên được giao làm Tổ trưởng Tổ giám định.

Hồ sơ giám định của Hội đồng giám định được bàn giao cho đơn vị có thành viên là Chủ tịch Hội đồng.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Việc tổ chức bàn giao, bảo quản, lưu trữ tài liệu đối với các vụ việc giám định do địa phương thực hiện tuân thủ theo quy định của địa phương và pháp luật liên quan.

4. Hồ sơ giám định tư pháp có thể được khai thác, sử dụng như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm xuất trình hồ sơ giám định tư pháp khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Người đã thực hiện giám định tư pháp được khai thác, sử dụng hồ sơ giám định tư pháp để phục vụ việc tham gia hoạt động tố tụng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người yêu cầu giám định.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Thời hạn giám định tư pháp

Thời hạn giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 26a Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Thời hạn của từng bước trong quy trình giám định được quy định tại sơ đồ quy

trình giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Phụ lục I) ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 23. Biểu mẫu văn bản giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Ban hành kèm theo Thông tư này 11 biểu mẫu văn bản giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Phụ lục II).

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông

1. Vụ Pháp chế là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn hoặc có liên quan tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về giám định tư pháp, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp cho người giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

b) Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo yêu cầu của Bộ Tư pháp;

c) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này;

d) Đề xuất, thực hiện chế độ thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

đ) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Thông tư này.

2. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Tham mưu, đề xuất nội dung hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định, việc thực hiện giám định ở chuyên ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi chức năng;

b) Xây dựng nguồn nhân lực làm giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý;

c) Chuẩn bị và chịu trách nhiệm về nội dung, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ giám định ở lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi chức năng;

d) Phối hợp với Vụ Pháp chế, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định cho đội ngũ người làm giám định trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

đ) Tổ chức thực hiện việc lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định;

e) Đề xuất khen thưởng đối với người làm giám định thuộc đơn vị mình;

g) Thực hiện việc thông tin, báo cáo theo quy định tại Thông tư này;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Thông tư này.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp tại Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Sở Thông tin và Truyền thông giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông ở địa phương và có trách nhiệm:

a) Phân công đơn vị làm đầu mối giúp Sở trong việc quản lý công tác giám định tư pháp ở lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông ở địa phương;

c) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp theo thẩm quyền;

d) Đề xuất, thực hiện chế độ thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

đ) Hằng năm, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Vụ Pháp chế) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý chuyên môn của mình ở địa phương.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.

2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

a) Thông tư số 24/2013/TT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

b) Thông tư số 25/2013/TT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ giám định tư pháp và các biểu mẫu giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Vụ Pháp chế) để xem xét, hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng